

Bản án số: 272/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý
2. Ông Hoàng Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm: 1987 (có mặt).
Địa chỉ: Số 269 đường H, khu phố N, phường T, Quận X, Thành phố Y.
2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 269 đường H, khu phố N, phường T, Quận X, Thành phố Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày:

Bà và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 1/2010 ngày 14/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu, đánh bạc gây nợ nần, bà không còn tình cảm với ông C. Bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân,

bà cũng đã khuyên ngăn ông C rất nhiều nhưng ông C vẫn không thay đổi. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc Hà, sinh ngày 17/01/2011. Bà Nguyễn Thị Bích Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Ngọc Hà và không yêu cầu ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông C đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn C; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Ngọc Hà, sinh ngày 17/01/2011 và không yêu cầu ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Không có; Nợ chung: không có;

Bị đơn ông Phạm Văn C vắng mặt;

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bích Th được ly hôn với ông Phạm Văn C; Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Ngọc Hà, sinh

ngày 17/01/2011 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn C không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có. Án phí hôn nhân và gia đình bà Th phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông Phạm Văn C, sinh năm: 1983, cư trú tại: Số 269 đường H, khu phố N, phường T, Quận X, Thành phố Y nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9.

[2] Về tố tụng: Ông Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Phạm Văn C tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 1/2010 ngày 14/6/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Phạm Văn C là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Th, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông C không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu, đánh bạc gây nợ nần và bà Th không còn tình cảm với ông C, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2018. Xét, cuộc sống chung thực sự không còn, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Hà, sinh ngày 17/01/2011. Bà Nguyễn Thị Bích Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Ngọc Hà và ông C không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Phạm Ngọc Hà hiện đang ở với mẹ và tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 17/3/2019 của cháu Hà, cháu có nguyện vọng muốn được ở

với mẹ nên việc bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Phạm Ngọc Hà là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Th không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th cho rằng không có nhưng chưa có ý kiến của ông C nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Phạm Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển 1/2010 ngày 14/6/2010 do Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Bích Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Phạm Ngọc Hà, sinh ngày 17/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Bích Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Th không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích Th phải nộp án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0009092 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS Q.9
- VKSND Q.9;
- UBND xã Phú Túc, H. Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nguyệt